

CÔNG KHAI THU CHI TÀI CHÍNH

Đối với các cơ sở giáo dục công lập

1- Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Thực hiện công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thực hiện Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.



2 - Năm học 2023 - 2024

Trường THPT Lê Quý Đôn – Đống Đa đã thực hiện công khai các nội dung cụ thể như sau:

1. Công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ giáo dục thời điểm tháng 9 năm 2023.

(Công khai trên cổng thông tin điện tử của trường).

2. Công khai thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 -2024.

(Công khai trên cổng thông tin điện tử của trường).

3. Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý 1,2,3,4 năm 2023.
(Công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

4. Công khai dự toán giảm trừ ngân sách năm 2023

(Công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

5. Công khai dự toán bổ sung ngân sách năm 2023

(Công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

6. Công khai dự toán ngân sách năm 2024

(Công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

7. Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2024

(Công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

8. Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2024

(Công khai trên cổng thông tin điện tử của trường)

3- Công khai các khoản thu dự kiến năm học 2024 - 2025:

a- Thu theo quy định

* Học phí:

- Mức thu: thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.
- Chế độ miễn giảm: thực hiện theo Nghị định 86/NĐ-CP ngày 02/10/2015
- * BHYT: Thực hiện thu theo luật BHYT

b- Thu thỏa thuận

- * Tiền nước uống: Thu 14.000đ/hs (thu 9 tháng, theo Nghị quyết 03/2024- HĐND ngày 29/3/2024 của UBND Thành phố Hà Nội)

4 - Các khoản chi của năm học 2023 – 2024:

Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị được thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ.

5 - Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội. Thực hiện chế độ miễn giảm học phí cho học sinh đúng đối tượng chính sách cụ thể như sau:

- Học kỳ I năm học 2023 – 2024:

- + Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh: nhà trường đã hỗ trợ chi phí học tập cho 07 học sinh khuyết tật
- + Về chế độ miễn giảm học phí: nhà trường đã miễn học phí cho 13 học sinh thuộc đối tượng hộ cận nghèo, con thương binh, khuyết tật.

- Học kỳ II năm học 2023 – 2024:

- + Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh: nhà trường đã hỗ trợ chi phí học tập cho 07 học sinh khuyết tật
- + Về chế độ miễn giảm học phí: nhà trường đã miễn học phí cho 13 học sinh thuộc đối tượng hộ cận nghèo, con thương binh, khuyết tật.

6. Kết quả kiểm toán (nếu có): Không

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024



Nguyễn Phương Chinh

Biểu mẫu Ba công khai
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN – ĐỒNG ĐA

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông
năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	15	15	16
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Bộ GD&ĐT	Bộ GD&ĐT	Bộ GD&ĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.	Gắn kết chặt chẽ	Gắn kết chặt chẽ	Gắn kết chặt chẽ
	Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Tự giác tích cực	Tự giác tích cực	Tự giác tích cực
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Đảm bảo theo qui định của Bộ & Sở	Đảm bảo theo qui định của Bộ & Sở	Đảm bảo theo qui định của Bộ & Sở
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Trên 99% ĐĐ Khá, Tốt; - Trên 80% Văn hoá Khá, Giỏi	- Trên 99% ĐĐ Khá, Tốt; - Trên 80% Văn hoá Khá, Giỏi	- Trên 99% ĐĐ Khá, Tốt; - Trên 80% Văn hoá Khá, Giỏi
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100%	100%	95%

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024



Nguyễn Phương Chinh

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN – ĐỒNG ĐA

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
năm học 2023- 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp ...
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm		681	748	719	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		681(100%)	747(99,87%)	719(100%)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)			1(0.13%)		
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo học lực		681	748	719	
1	Tốt		605(88,84 %)	715(95,59 %)	707(98,33 %)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		76(11,16%)	32(4,28%)	12(1,67%)	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)			1(0.13%)		
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)					
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh					



	giỏi				
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố		3	14	
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp			770	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ		317/423	339/381	345/427
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số		3	3	9

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Phương Chinh

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN – ĐÔNG ĐA

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học phổ thông
 năm học 2024-2025**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	32	Số m ² /họcsinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	32	1,6
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	04	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	1.3	-
8	Bình quân học sinh/lớp	42	-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	9.108,7	5,53
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	7.187,7	4,1
VI	Tổng diện tích các phòng	1882	2,2
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.058	1.2
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	486	0,56
3	Diện tích thư viện (m ²)	80	0,08
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	198	0,23
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	80	0,08
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	3	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	3	
1.1	Khối lớp 10	1	
1.2	Khối lớp 11	1	
1.3	Khối lớp 12	1	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so quy định		
2.1	Khối lớp 10	2	
2.1	Khối lớp 11	2	

2.3	Khối lớp 12	2	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		-
4			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	59	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	03	
2	Cát xét	06	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	08	
5	Thiết bị khác...	01	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	02	
2	Cát xét	06	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	08	
5	Thiết bị khác...	01	



	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú					
XIII	Khu nội trú					
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		0,32
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học

và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Phương Chinh



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT LÊ QUÝ ĐÔN – ĐÔNG ĐA

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	94	1	52	34		2	2	53	31					
I	Giáo viên	84	1	59	24				53	31		15	69		
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	84	1	53	30				42				.		
1	Toán	15		12	3				7	8		2	13		
2	Lý	9		6	3				8	1		1	8		
3	Hóa	9		9					1	8		1	8		
4	Văn	12	1	11					10	2		2	9		
5	Sử	4		3	1				1	3		1	3		
6	Địa	2		1	1				2			1	1		
7	Ngoại ngữ	10		7	3				6	3		1	9		
8	Tin học	4		2	2				4			1	3		
9	GDCD	2		1	1					2		1	1		
10	Sinh	5		4	1				3	2		1	4		
11	KTNN	2		1	1				1	1		1	1		
12	Công nghệ	3		1	2				3				3		
13	Thể dục	5		1	4				4	1		1	4		
14	GDQP	2			1	1			2			1	1		
II	Cán bộ quản lý	2		2						2		2			
1	Hiệu trưởng	1		1						1		1			
2	Phó hiệu trưởng	1		1						1		1			
III	Nhân viên	8			4		2	2					8		
1	Nhân viên văn thư	1			1								1		
2	Nhân viên kế toán	1			1								1		



3	Thủ quỹ	1			1							1		
4	Nhân viên y tế	1				1						1		
5	Nhân viên thư viện													
6	Nhân viên TB											1		
7	Nhân viên Bảo vệ	3				1	2					3		
8	Nhân viên CNTT	1			1							1		

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Phương Chinh

